

NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ NGUỒN LỰC TÔN GIÁO VÀ PHÁT HUY NGUỒN LỰC TÔN GIÁO

Tóm tắt: Bài viết này nhằm tổng kết lại quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về nguồn lực tôn giáo và phát huy nguồn lực tôn giáo. Vấn đề này được xem xét qua các thời kỳ cách mạng cho đến nay, qua đó cho thấy cách thức phát huy nguồn lực tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta khác nhau ở những hoàn cảnh lịch sử cụ thể nhất định. Rõ ràng, cách nhận thức về nguồn lực nhưng cũng như yêu cầu phát triển đất nước của mỗi thời kỳ là khác nhau. Tuy nhiên, trong bối cảnh đương đại, tôn giáo ngày càng thể hiện là một nguồn lực tích cực trên nhiều phương diện. Thực tế đó, rõ ràng đặt ra yêu cầu cần phải nhận diện rõ hơn các giá trị và nguồn lực tôn giáo, để từ đó tiếp tục đổi mới tư duy, chính sách, phát huy nguồn lực đặc biệt này cho công cuộc phát triển đất nước.

Từ khóa: Nhận thức; nguồn lực; phát huy; tôn giáo; chính sách; Đảng; Nhà nước.

1. Nhận thức về nguồn lực tôn giáo và phát huy nguồn lực tôn giáo của Đảng trước thời điểm Đổi Mới

Có nhiều cách hiểu và tiếp cận về nguồn lực tôn giáo. Khi nói tôn giáo là một nguồn lực của sự phát triển, đòi hỏi phải xem tôn giáo trong tính tổng thể của nó, tức không chỉ nhìn ở góc độ niềm tin, tâm lý, ý thức, tình cảm, mà cần nhìn nhận tôn giáo là một thực thể đang tồn tại, với toàn bộ hệ giá trị của nó, có vận động và phát triển tương tác với các thiết chế xã hội khác. Với cách đặt vấn đề như vậy, có thể hiểu phát huy nguồn lực tôn giáo là việc nhà nước thông qua hệ thống chính sách của mình, trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể, khai thác,

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 14/6/2020; Ngày biên tập: 19/8/2020; Duyệt đăng: 03/6/2021.

sử dụng những giá trị vật chất và tinh thần của tôn giáo một cách thích hợp, để các cá nhân và tổ chức tôn giáo có thể tham góp tích cực vào công cuộc bảo vệ và phát triển đất nước.

Người khởi xướng việc nhận thức tôn giáo như một nguồn lực và phát huy nguồn lực tôn giáo, mở đường cho chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta sau năm 1945 trước tiên phải kể đến Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Hồ Chí Minh với đường lối cách mạng đúng đắn đã xác định rõ quần chúng tôn giáo cũng là một lực lượng của cách mạng và không bị xem là “đối tượng cách mạng”. So với các nhà cách mạng trước đó, nhận thức này của Hồ Chí Minh cũng đã nhìn nhận quần chúng tôn giáo như một nguồn lực của việc đại đoàn kết cho phong trào cách mạng Việt Nam¹.

Để thấy rõ sự vượt lên về quan điểm của Hồ Chí Minh về tôn giáo so với các bậc tiền nhân đi trước trong việc xác định tôn giáo mà cụ thể là tín đồ các tôn giáo là “nguồn lực của cách mạng và kháng chiến” chúng ta có thể trở về một số văn bản gốc của Hồ Chí Minh viết trong giai đoạn này: Trong thư kêu gọi tổng khởi nghĩa, Hồ Chí Minh viết: “....Trong Việt Minh, đồng bào ta bắt tay nhau chặt không phân biệt trai gái, già trẻ, lương, giáo, giàu nghèo”². Lời kêu gọi đoàn kết toàn dân chống lại sự tái chiếm của thực dân Pháp Hồ Chí Minh viết: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”³.

Việc không tách quần chúng tôn giáo ra khỏi phong trào cách mạng giúp xóa nhòa mặc cảm của nhiều tín đồ Công giáo về những quá khứ lịch sử không tốt đẹp với dân tộc, để trở thành một lực lượng hăng hái tham gia ủng hộ cách mạng, ủng hộ kháng chiến, ủng hộ Chính phủ Việt Minh. Sử liệu còn ghi: “Ngay đêm trước của cuộc cách mạng tại căn cứ Việt Bắc, khai mạc Quốc dân Đại hội Tân Trào, người ta thấy, trong 60 đại biểu đại diện cho các đảng phái chính trị, các đoàn thể cứu quốc, đại biểu từ Bắc, Trung, Nam có cả đại biểu các dân tộc và tôn giáo.”⁴

Rõ ràng trong thời điểm chiến tranh, cách mạng, những người Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc, đã không tách đồng bào tôn giáo ra khỏi cộng đồng dân tộc, trái lại còn tạo điều

kiện cho họ trở về với dân tộc bằng việc phát huy vai trò của họ trong sự nghiệp cách mạng và chiến tranh giải phóng dân tộc. Sự tham gia vào thực tiễn cách mạng của đồng bào tôn giáo giáo chính là việc họ tham gia kháng chiến và tham gia vào các tổ chức cách mạng. Khi tổng kết lại đóng góp của người Công giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp ở Bắc Bộ những năm 1946-1954, Đảng ta nhận định: “Trong 8 năm kháng chiến, kinh nghiệm cho ta thấy rằng nhiều đồng bào Công giáo yêu nước được ta chú trọng giúp đỡ họ có một tổ chức để hoạt động thì họ đóng góp được rất nhiều thành tích vào công cuộc kháng chiến của dân tộc như Ủy ban liên lạc Công giáo kháng chiến khu 3 và Tả ngạn.”⁵

Người ta thấy rõ việc tập hợp người Công giáo tham gia kháng chiến ở trong điều lệ của Việt Minh, trong lời kêu gọi kháng chiến, và thư của cụ Hồ gửi những người Công giáo trong các dịp lễ Tết. Trong các tài liệu này, những cụm từ không tách rời nhau như hai vế của một cặp phạm trù được nhắc đến nhiều như: kính chúa - yêu nước, Thiên Chúa - Tổ quốc, Tổ quốc độc lập - Tôn giáo tự do, Đạo - Đời, v.v...

Nhờ có quan điểm đường lối đúng đắn của Đảng, chính sách phù hợp của Nhà nước mà Đảng ta dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát huy được “nguồn lực tôn giáo” đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, tiến hành cách mạng giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, việc phát huy nguồn lực tôn giáo đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta thực hiện trong giai đoạn đấu tranh cách mạng, giải phóng dân tộc, chứ không phải mãi đến sau khi đổi mới chúng ta mới thực hiện việc này. Nhìn lại việc phát huy nguồn lực tôn giáo giai đoạn này có thể rút ra mấy đặc điểm sau:

Thứ nhất, việc phát huy nguồn lực tôn giáo được đặt trong một nhiệm vụ cao cả của dân tộc đó là đánh đuổi ngoại xâm, thống nhất đất nước. Nguồn lực tôn giáo được nhấn mạnh tới việc đoàn kết các lực lượng tôn giáo kháng chiến, kiến quốc. Việc phát huy nguồn lực dựa trên vai trò cá nhân người đứng đầu nhà nước với các chức sắc tiêu biểu của các tổ chức tôn giáo. Có thể thấy rõ điều này qua ứng xử của Chủ tịch Hồ Chí Minh

đối với một số chức sắc tôn giáo, như: ông Nguyễn Mạnh Hà, Linh mục Phạm Bá Trục, Giám mục Lê Hữu Từ (Công giáo), ông Cao Triều Phát (Cao Đài), Mục sư Lê Văn Thái (Tin Lành)...

Thứ hai, sau cục diện chia cắt đất nước làm hai miền ở thời điểm 1954, có một điểm nhấn trong nhận thức về nguồn lực và phát triển nguồn lực tôn giáo trong thời kỳ này được thể hiện qua Sắc lệnh 234 Hồ Chí Minh ký ngày 14/06/1955 về tín ngưỡng⁶. Sắc lệnh này đã không chỉ nhìn tôn giáo ở góc độ đoàn kết nữa mà đã nhấn mạnh tới yếu tố nguồn lực kinh tế, giáo dục của tổ chức tôn giáo⁷. Tất nhiên Sắc lệnh này chỉ có hiệu lực trong thời gian khoảng hơn 4 năm.

Thứ ba, từ giai đoạn cải tạo kinh tế xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc⁸ cho đến trước thời điểm đổi mới, các nguồn lực tôn giáo chưa được chú trọng. Việc phát huy nguồn lực trong thời kỳ này vẫn chủ yếu là hướng đồng bào các tôn giáo trong chính sách đại đoàn kết dân tộc, chống lợi dụng tôn giáo. Do đó nguồn lực này chưa được khơi thông và phát huy tốt nhất. Sở dĩ giai đoạn này có đặc điểm như trên là vì:

1. Trong giai đoạn này, có việc nhìn nhận, đánh giá tôn giáo dựa nhiều trên bình diện ý thức hệ, do đó không chú ý tới các giá trị thực thể của một tôn giáo, nhất là khía cạnh văn hóa, di sản. Thậm chí có thời kỳ còn hạn chế đi các cơ sở vật chất của tín ngưỡng, tôn giáo, làm cho tín ngưỡng, tôn giáo suy giảm đi vai trò trong xã hội⁹.

2. Đây là giai đoạn đất nước vừa thoát khỏi chiến tranh, việc đề cao ý thức phòng thủ, cảnh giác thù trong giặc ngoài và việc chú trọng cải tạo đi các tàn dư của xã hội cũ, trong đó tín ngưỡng, tôn giáo đã hạn chế việc phát huy nguồn lực tôn giáo.

3. Đây là thời kỳ đầu xác lập các nguyên tắc thể tục giữa Nhà nước và tôn giáo. Trong đó đề hạn chế đi sự tham dự của tôn giáo và thiết chế chính trị, giáo dục và các dịch vụ công. Sự xác lập những nguyên tắc này đã quá chú trọng tới việc coi tôn giáo là một vấn đề cá nhân, riêng tư và làm giảm đi các tương tác của thiết chế tổ chức tôn giáo với các thiết chế chính trị xã hội khác, nhấn mạnh quá vào các nguyên tắc chính trị, dẫn đến các nguồn lực tôn giáo ít được phát huy, sử dụng.

4. Khái niệm nguồn lực của tôn giáo thời kỳ này được nhìn trong việc đoàn kết dân tộc, mới nhìn ở góc độ chính trị. Nguồn lực tôn giáo chưa được nhìn nhận từ góc độ văn hóa, xã hội.

2. Nhận thức và phát huy nguồn lực tôn giáo của Đảng từ Đổi Mới đến nay

Trong quá khứ, nhiệm vụ trọng tâm Đảng lãnh đạo quần chúng nhân dân là chống ngoại xâm, giành độc lập cho Tổ quốc thì sau Đổi Mới là bảo vệ đất nước và phát triển kinh tế. Do đó, cách thức đặt vấn đề nguồn lực tôn giáo cũng đã khác trước. Trước đây, chính sách của Đảng và Nhà nước chú trọng phát triển nguồn lực tôn giáo ở góc độ đoàn kết, tạo sức mạnh chính trị, chống ngoại xâm và các âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch. Từ sau Đổi Mới¹⁰, quan niệm nguồn lực tôn giáo cần phải được nhìn rộng hơn, không chỉ dừng ở việc phát huy vai trò chức sắc tôn giáo, không chỉ gói gọn ở việc đại đoàn kết, cần phải nhận diện lại nguồn lực tôn giáo. Về việc này chúng ta đã có những cơ sở lý luận và thực tiễn sau đây:

Cơ sở lý luận: Trong tiến trình nhận thức của Đảng ta về tôn giáo, có thể nói Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ chính trị *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới* đã mở ra *bước ngoặt lịch sử về sự đổi mới chính sách tôn giáo ở Việt Nam*. Có ba luận điểm cơ bản của Nghị quyết 24-NQ/TW cho đến nay vẫn là *kim chỉ nam* cho công tác tôn giáo là: (1) Tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; (2) Tôn giáo còn tồn tại lâu dài trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; (3) Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Những luận điểm trên đã tạo ra những tiền đề nhận thức cơ bản để xây dựng một hệ thống chính sách tôn giáo hợp với điều kiện Việt Nam, nhằm phát huy những nguồn lực của tôn giáo trong xây dựng xã hội.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được và những nhược điểm cần khắc phục của thời gian thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW và Cương lĩnh 1991, cũng như một số văn kiện khác, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã tổ chức Hội nghị lần thứ 7 nhằm tập trung bàn về công tác tôn giáo, Hội nghị đã ban hành Nghị quyết 25-NQ/TW ngày 12/3/2003. Đây là lần đầu tiên Đảng có một nghị quyết riêng về tôn giáo. Nhìn chung, từ

khi thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW đến nay, nhất là từ khi thực hiện quản lý hoạt động tôn giáo bằng Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo (2016), các tổ chức tôn giáo được cấp đăng ký hoạt động và công nhận tổ chức, hoạt động tôn giáo từng bước đi vào nề nếp, ổn định và tuân thủ pháp luật tốt hơn. Các tôn giáo tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội góp phần to lớn trong công cuộc xây dựng và đổi mới quê hương, đất nước.

Tiếp đó ngày ngày 10/01/2018 Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị 18-CT/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới. Nội dung của Chỉ thị không chỉ tiếp tục khẳng định giá trị các quan điểm của Đảng về công tác tôn giáo trong Nghị quyết 25-NQ/TW mà còn nâng lên một bước nhận thức về giá trị của tôn giáo là: *phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước*. Với quan điểm này, Đảng ta đã chỉ rõ hai vấn đề cần quan tâm/nhận thức thấu đáo hơn trong cùng một chủ thể là: giá trị văn hóa, đạo đức của tôn giáo, và nguồn lực của tôn giáo trong xây dựng đất nước.

Đặc biệt trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng cộng sản Việt Nam đã chính thức khẳng định việc tôn giáo là một nguồn lực cần phát huy. Cụ thể, ở Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong phần *xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh của con người Việt Nam*, Đảng ta nêu rõ: “Phát huy các nhân tố tích cực, nhân văn trong các tôn giáo, tín ngưỡng. Phê phán và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan”¹¹. Đối với *nhiệm vụ, giải pháp* thực hiện về công tác tôn giáo, Đảng ta khẳng định: “Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống “tốt đời, đẹp đạo”, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và *các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước*. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước,

chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết toàn dân tộc”¹².

Về mặt thực thi chính sách pháp luật trong việc phát huy nguồn lực tôn giáo trước hết phải kể đến Nghị định 26/1999/NĐ-CP ngày 19/4/1999 về các hoạt động tôn giáo. Tại đó quy định: “Những hoạt động tôn giáo vì lợi ích của Tổ quốc và nhân dân được khuyến khích” (Điều 4); “Chức sắc, nhà tu hành tôn giáo được hoạt động kinh tế, văn hóa - xã hội như mọi công dân khác”; “Chức sắc, nhà tu hành và tổ chức tôn giáo hoạt động từ thiện theo quy định của Nhà nước. Các cơ sở từ thiện do chức sắc, nhà tu hành và tổ chức tôn giáo bảo trợ hoạt động theo sự hướng dẫn của các cơ quan chức năng của Nhà nước” (Điều 17)¹³. Đến Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo cũng dùng ở quy định: “tôn trọng giá trị văn hóa, đạo đức tôn giáo” (Điều 5). Điều 33, quy định: “1. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức tôn giáo tham gia nuôi dạy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ cơ sở chăm sóc sức khỏe người nghèo, người tàn tật, người nhiễm HIV/AIDS, bệnh nhân phong, tâm thần; hỗ trợ phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và tham gia các hoạt động khác vì mục đích từ thiện nhân đạo phù hợp với hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo và quy định của pháp luật. 2. Chức sắc, nhà tu hành với tư cách công dân được Nhà nước khuyến khích tổ chức hoạt động giáo dục, y tế, từ thiện nhân đạo theo quy định của pháp luật”¹⁴.

Cơ sở thực tiễn: các tôn giáo phát triển mạnh về số lượng tín đồ, chiếm một tỷ trọng không nhỏ trong thành phần dân cư với khoảng 25 triệu người và khoảng 27% dân số toàn quốc, đồng thời, các tôn giáo tích cực đóng góp cho sự phát triển của đời sống xã hội.

Những năm qua, các tổ chức tôn giáo tích cực tham gia các hoạt động xã hội hóa về y tế, giáo dục và từ thiện nhân đạo theo hai hình thức chủ yếu: hoạt động thường xuyên và hoạt động không thường xuyên. Qua số liệu và tình hình hoạt động của các cơ sở y tế, giáo dục và từ thiện nhân đạo thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Công giáo Việt Nam và Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam cho thấy sự đóng góp đáng kể của các tổ chức tôn giáo góp phần vào công tác an sinh xã hội, giảm gánh nặng cho Nhà nước. Từ năm 2003 đến 2016, Phật giáo

cả nước có 126 Tuệ Tĩnh Đường, 115 phòng thuốc chẩn trị y học hoạt động ổn định; Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam hiện có 206 hội quán và cũng là 206 phòng thuốc nam phước thiện; Thông tin từ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, con số ước tính năm 2003, Phật giáo cả nước có khoảng 1.500 lớp học tình thương và hiện nay con số này còn khoảng 1.000 lớp với trên 20.000 em. Cả nước hiện có hơn 300 cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội do tổ chức tôn giáo thành lập, nuôi dưỡng khoảng 11 ngàn đối tượng; Các tổ chức tôn giáo còn tích cực tham gia giải quyết nhiều vấn đề xã hội như: thành lập các trung tâm tư vấn, cơ sở nuôi người nhiễm HIV/AIDS; vận động tài chính, vật phẩm cứu trợ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa, trợ cấp học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học, xây dựng đường xá, bắc cầu; hưởng ứng các phong trào đền ơn đáp nghĩa như xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ các chiến sĩ biên phòng, hải đảo, thăm hỏi và động viên hỗ trợ các thương binh, bệnh binh, bệnh nhân nghèo khó khăn...¹⁵. Với Giáo hội Công giáo trên cả nước, có khoảng 1.500 cơ sở nhà trẻ, mẫu giáo, gần 50 lớp tình thương; có 52 cơ sở dạy nghề do các cá nhân tôn giáo thành lập¹⁶. Các cơ sở giáo dục mầm non và dạy nghề các tổ chức Công giáo thành lập cơ bản đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Nhiều cơ sở Công giáo cũng xây dựng quỹ học bổng thường xuyên để hỗ trợ sách vở, xe đạp, học bổng cho các học sinh. Theo thống kê của Hội đồng Giám mục Việt Nam, tính đến hết 2015 trên 26 giáo phận Công giáo cả nước có 142 trạm xá, cơ sở chữa bệnh¹⁷. Nhiều phòng khám từ thiện do các linh mục, dòng tu, giáo dân khởi xướng hoạt động hiệu quả, đóng góp lớn vào sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các chức sắc, tín đồ Công giáo đã tích cực tham gia các hoạt động cứu trợ, hỗ trợ. Các cơ sở bảo trợ xã hội, tôn giáo được tổ chức đa dạng, tiếp nhận nhiều nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện xã hội hóa công tác trợ giúp xã hội, công tác nhân đạo đối với những đối tượng yếu thế. Kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội được huy động từ cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước; góp phần chia sẻ với Nhà nước trong việc chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội; đạt được đồng thuận của cộng đồng, xã hội trong hoạt động bảo trợ xã hội. Cụ thể, Công giáo

hiện có 24 cơ sở hoạt động từ thiện xã hội trong các lĩnh vực, như: tâm thần, trại phong, người nhiễm HIV, ma túy; 211 trung tâm khuyết tật, dưỡng lão; 163 trung tâm di dân cho sinh viên, gia đình; 11 cơ sở sinh hoạt nghệ thuật hoạt động từ thiện cho những người nghèo, kém may mắn trong xã hội¹⁸.

Bên cạnh những đóng góp tích cực trong hoạt động tham gia xã hội hóa về giáo dục, y tế và các hoạt động từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội, các tổ chức tôn giáo có xu hướng tham gia vào đời sống chính trị sâu rộng hơn, bao gồm cử đại diện tham gia Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên¹⁹.

Nhìn lại việc phát huy nguồn lực tôn giáo trong thời kỳ sau Đổi mới chúng ta có thể rút ra mấy đặc điểm sau:

Thứ nhất, việc nhận thức về nguồn lực tôn giáo và phát huy nguồn lực tôn giáo đã được mở rộng ra qua việc khẳng định và nhìn nhận các giá trị khác của tôn giáo. Trong đó Đảng cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh đến giá trị văn hóa, đạo đức của tôn giáo. Điều này được khẳng định từ Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ chính trị và cụ thể hóa hơn trong Nghị quyết 25-NQ/TW. Đến chỉ thị số 18-CT/TW, Đảng nêu rõ cụm từ “phát huy nguồn lực tôn giáo”.

Thứ hai, so với thời kỳ trước đó, nguồn lực tôn giáo được huy động chủ yếu từ góc độ phát huy khối đại đoàn kết toàn dân, tức chú trọng phát huy sức mạnh tôn giáo vào góc độ chính trị. Giai đoạn từ Đổi Mới đến nay, việc phát huy nguồn lực tôn giáo vào lĩnh vực này vẫn được chú trọng và phát triển, với cách thức và nội dung mới²⁰. Tuy nhiên, có điểm mới so với trước đó là việc phát huy nguồn lực tôn giáo đã mở sang các lĩnh vực dân sự. Thấy rõ điều này qua sự tham gia của các tổ chức tôn giáo vào các vấn đề như y tế, giáo dục và từ thiện xã hội. Điều đó cũng có nghĩa là nguồn lực tôn giáo vẫn đang tham gia tích cực vào việc bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế, xã hội cho đất nước.

Thứ ba, với cách đặt vấn đề phát huy nguồn lực tôn giáo trong lĩnh vực văn hóa, đạo đức, nguồn lực tôn giáo đã được mở rộng ra các giá trị luân lý, nhân bản của tôn giáo. Đây là những giá trị có thể sử dụng, phát huy để ngăn ngừa những mặt trái của xã hội hiện đại và cơ chế

thị trường, nhằm xây dựng những cộng đồng xã hội tốt và tích cực. Mặt khác, với cách tiếp cận, chỉ đạo từ góc độ văn hóa, các di sản văn hóa của tôn giáo đã được chú trọng và phát huy. Điều này thể hiện rõ qua việc trùng tu, tôn tạo công nhận các di sản văn hóa tôn giáo. Tiếp đó là việc xây dựng mới các cơ sở tôn giáo phát triển mạnh trong thời gian từ Đổi Mới đến nay²¹. Điều này vừa đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân, vừa khai thác thế mạnh du lịch, di sản tôn giáo.

Thứ tư, việc phát huy nguồn lực tôn giáo không chỉ dựa trên các mối quan hệ cá nhân giữa chức trách nhà nước và những người đứng đầu tổ chức tôn giáo như giai đoạn trước đó. Song song với cách thức đó, việc phát triển nguồn lực tôn giáo thời kỳ này được điều chỉnh bằng luật, hướng đến sự bình đẳng tôn giáo, bảo đảm quyền của con người trong lĩnh vực tôn giáo.

Sở dĩ có những đặc điểm trên là vì:

1. Cách nhìn nhận tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta đã cởi mở, khắc phục cách nhìn nhận phiến diện khi mà trước khi Đổi mới thường chú trọng vào ý thức luận vô thần, hữu thần, chú trọng vào khía cạnh chính trị, tức là lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch để chống phá cách mạng Việt Nam hoặc có định kiến với một bộ phận chức sắc, tín đồ vì những điều kiện và hoàn cảnh khác nhau hợp tác với thế lực thực dân, đế quốc đi ngược lại lợi ích dân tộc. Cách nhìn nhận cởi mở còn thể hiện, nếu trước Đổi mới, dưới góc độ văn hoá thường nhìn tôn giáo nặng về khía cạnh mê tín dị đoan, buôn thần bán thánh thì nay thay bằng việc khẳng định: “Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”, “phát huy giá trị văn hoá, đạo đức của các tôn giáo”, “phát huy nguồn lực tôn giáo cho sự phát triển đất nước”, v.v...

2. Các chính sách, luật pháp với tôn giáo ngày càng được hoàn thiện hơn, ngày càng bảo đảm quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân, làm cho đại bộ phận quần chúng tín đồ các tôn giáo tin tưởng vào đường lối chính sách tôn giáo của Đảng. Đồng thời, các chính sách, luật pháp tôn giáo cũng được xây dựng trong sự chú trọng tới quyền con người và tương ứng với các luật pháp và công ước quốc tế về lĩnh vực này.

3. Bản thân các cá nhân và tổ chức tôn giáo đã tranh thủ những điều kiện thuận lợi từ chính sách đổi mới toàn diện của Đảng để phát triển, tạo ra một diện mạo mới cả về vật chất và tinh thần của chính các tổ chức tôn giáo. Khi đó, ngoài những thách thức của đời sống thế tục, các tổ chức tôn giáo cũng tạo ra những giá trị và sức mạnh nội lực với cách thức hiện diện, biểu lộ niềm tin, tạo ra những đóng góp tích cực cho đời sống xã hội. Những đóng góp tích từ các nguồn lực tôn giáo trên một số lĩnh vực tiêu biểu được Nhà nước ghi nhận và ủng hộ.

3. Tiếp tục đổi mới việc phát huy nguồn lực tôn giáo

Nhận thức về mặt chủ trương: Về mặt quan điểm chỉ đạo của Đảng cho đến Chỉ thị 18 - CT/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới và gần đây là Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đều khẳng định “phát huy nguồn lực tôn giáo”. Đó là một bước tiến trong quá trình nhận thức của Đảng ta về giá trị và chức năng của tôn giáo với con người và xã hội. Bởi vậy, để phát huy nguồn lực tôn giáo cần phải có sự thống nhất quan điểm chỉ đạo từ Trung ương xuống địa phương. Cho dù chủ trương có đúng đắn mà ở cấp cơ sở không quán triệt tinh thần, không nhận thức đầy đủ, không phân biệt niềm tin tôn giáo chính đáng với việc niềm tin tôn giáo bị lợi dụng, từ đó đánh đồng và giữ định kiến với tôn giáo thì rất khó phát huy nguồn lực tôn giáo.

Nhận thức về hiện trạng, đặc điểm nguồn lực: Mỗi cá nhân, tổ chức tôn giáo với những đặc điểm về giáo lý, giáo luật, lịch sử hình thành, địa điểm sinh hoạt, môi trường văn hóa khác nhau sẽ tạo ra các nguồn lực khác nhau. Do đó bản thân cấp Ủy Đảng các cơ quan, ban ngành liên quan đến công tác tôn giáo như Ban tôn giáo, Mặt trận Tổ quốc... từ thực tiễn hoạt động của mình đề ra những thế mạnh về nguồn lực của từng tổ chức tôn giáo, từng địa bàn địa điểm để phát huy.

Để phát huy nguồn lực tôn giáo cũng cần phải hiểu rõ những đặc điểm của nguồn lực này. Nguồn lực tôn giáo luôn được khởi phát từ niềm tin của chính các tôn giáo đó. Nếu như các nguồn lực xã hội thường được xem xét trên hai khía cạnh là nhân lực và vật lực. Nhân lực muốn nhấn mạnh tới con người, trí tuệ, tư duy, cách nghĩ trong các

hoạt động sống và kiến tạo xã hội. Còn vật lực chính là các nền tảng vật chất và xã hội do con người đã tích lũy tạo dựng làm cơ sở, đòn bẩy để xây dựng các bước phát triển tiếp theo. Tuy nhiên, với các tổ chức tôn giáo, ngoài hai yếu tố này thì người ta bàn tới nhân tố niềm tin tôn giáo đã chi phối thúc đẩy như thế nào đối với sự kiến tạo các nguồn lực cũng như hiệu quả tác động xã hội của các nguồn lực. Bởi vậy muốn phát huy được nguồn lực tôn giáo đòi hỏi phải bảo đảm quyền tự do tôn giáo và hiểu được các sức mạnh có tính động lực từ niềm tin tôn giáo.

Mặt khác, điểm mạnh của nguồn lực tôn giáo là nguồn lực có giá trị và sức mạnh về luân lý đạo đức, đề cao dân thân, phục vụ. Điều này tạo ra hai đặc trưng khác của nguồn lực này khi cung ứng các dịch vụ cho xã hội là: Không đề cao lợi nhuận và chú trọng các giá trị nhân bản. Mặt khác, cần chú ý nguồn lực tôn giáo có khả năng huy động vốn xã hội mạnh mẽ, bởi các cá nhân và tổ chức tôn giáo có khả năng tạo ra một mạng lưới trên cơ sở những con người có chung một niềm tin, lại cùng thực hành các nguyên lý cơ bản của tôn giáo trong các lĩnh vực này. Hơn nữa, nhiều tổ chức tôn giáo có tính quốc tế nên sự huy động vốn xã hội rất lớn nếu có một cơ chế chính sách tốt để phát huy.

Để phát huy hơn nữa nguồn lực tôn giáo, trong việc nhìn nhận và đánh giá sự tham gia của các tổ chức tôn giáo vào các hoạt động xã hội cũng cần chú ý đặc biệt tới các lĩnh vực mới mà tôn giáo có thể tham gia. Chẳng hạn lĩnh vực tôn giáo với kinh tế hoặc việc tôn giáo có thể tham dự như thế nào vào trong các dịch vụ công. Hiện nay các nguồn lực tôn giáo không chỉ có y tế, giáo dục, từ thiện mà còn nằm ở các không gian văn hóa, vốn di sản mà các tổ chức tôn giáo kiến tạo được nhờ biết huy động vốn xã hội. Những giá trị này ngoài việc đáp ứng các nhu cầu tâm linh còn tạo ra những tiềm năng về du lịch, quảng bá hình ảnh văn hóa và con người Việt Nam ra quốc tế và khu vực. Việc nhìn nhận thêm các nguồn lực mới của tôn giáo có thể phát huy tốt vai trò của tôn giáo trong phát triển kinh tế xã hội, ổn định cộng đồng.

Đổi mới chính sách: Phải thừa nhận rằng chủ trương, chính sách, pháp luật về tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta đã đổi mới rất nhiều so

với trước đây. Tuy nhiên, nhìn vào hiện trạng nguồn lực tôn giáo có điểm mạnh ở lĩnh vực y tế, giáo dục và từ thiện xã hội cần phải phát huy hơn nữa để các tôn giáo có thể tham gia vào các dịch vụ công nhiều hơn. Hiện nay sự tham gia của các tổ chức này đang rất tốt và đạt những kết quả khả quan. Và đều được quy định trong các bộ luật chuyên ngành như luật y tế, luật giáo dục vv... Trong tương lai, pháp luật về tôn giáo nên chú trọng cải tiến trong lĩnh vực này. Chẳng hạn, sự tham gia của các tổ chức tôn giáo trong lĩnh vực giáo dục nên mở rộng không chỉ ở việc giáo dục mầm non mà còn ở các cấp cao hơn. Ngoài ra, cũng cần có chính sách mở rộng các hệ thống trường nghề mà một số tôn giáo đã làm rất tốt như trường hợp Công giáo. Các giá trị luân lý tôn giáo có thể tạo những điểm mạnh nhất định nếu được tham gia tích cực nhất vào hệ thống y tế và từ thiện nhân đạo. Trong quá khứ, đã có thời kỳ các tôn giáo đã có những đóng góp tích cực ở các lĩnh vực này. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại để có thể đóng góp tích cực giá trị tôn giáo của mình qua các hoạt động xã hội, bản thân các tổ chức tôn giáo cũng phải không ngừng hoàn thiện các điều kiện để đáp ứng tiêu chuẩn khi tham gia đóng góp vào những lĩnh vực công của nhà nước.

Kết luận

1. Nguồn lực tôn giáo đã và đang đóng vai trò quan trọng trong quá trình đấu tranh giành độc lập cho dân tộc và phát triển đất nước. Trong quá khứ, Đảng cộng sản Việt Nam, với vai trò đứng đầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biết khai thác, phát huy nguồn lực tôn giáo, nhất là về mặt nhân sự, con người. Nhờ biết khai thác vận dụng nguồn lực này mà chúng ta đã tạo được sức mạnh đoàn kết của đồng bào các tôn giáo vào phong trào kháng chiến kiến quốc, hạn chế việc lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng, đồng bào các tôn giáo luôn là một bộ phận quan trọng và cần thiết của chiến lược đại đoàn kết dân tộc.

2. Từ khi Đổi Mới đến nay, nhờ thay đổi nhận thức và chính sách với các tổ chức tôn giáo, Đảng và Nhà nước ta đã phát huy được rất nhiều tiềm lực từ các tổ chức tôn giáo cho công cuộc phát triển đất nước. Các tôn giáo ngày càng được tạo các cơ chế, chính sách để phát triển, qua đó cũng đã tham góp nhiều sức lực của mình vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, từ thiện xã hội.

3. Hoạt động của các tổ chức tôn giáo trong lĩnh vực y tế, giáo dục, từ thiện xã hội là thể hiện những nguyên lý niềm tin của chính các tôn giáo. Đây cũng là một trong những chức năng cơ bản của các tôn giáo trong việc quảng bá chân lý, đức tin trong đời sống thường nhật, làm cho các giá trị tôn giáo hiện diện một cách sống động trong các hoàn cảnh xã hội khác nhau. Những hoạt động xã hội này của các tôn giáo đã tạo ra một hiệu quả mạnh mẽ có đóng góp hữu ích cho xã hội và được nhiều người ghi nhận. Trong tương lai, để phát huy hơn nữa nguồn lực tôn giáo cho sự phát triển, cần quan tâm hơn nữa những đóng góp mới mà các tổ chức tôn giáo có thể mang lại, chẳng hạn các triết lý tôn giáo trong phát triển kinh tế, bảo vệ tài nguyên môi trường. Việc tham dự của các tổ chức tôn giáo vào lĩnh vực dịch vụ công...

4. Với những tiềm năng trên, Đảng và Nhà nước nên tạo thêm những điều kiện về cơ chế, chính sách để các tổ chức tôn giáo phát huy được tiềm lực vốn có của các tổ chức tôn giáo, qua đó đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội trong các lĩnh vực, nhất là y tế, giáo dục và từ thiện xã hội./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Trước Hồ Chí Minh, Phan Bội Châu là người sớm lý giải cho người Công giáo thấy được Kinh Chúa phải gắn với yêu nước, nhưng Phan Bội Châu mới chỉ xếp người Công giáo vào diện “mười hạng đồng tâm”. Còn nhà Nguyễn, nhất là thời vua Minh Mạng trị vì, hầu như Công giáo bị xem như là một “đối tượng” quan tâm đặc biệt của nhà cầm quyền phong kiến lúc đó. Hai mươi một năm trị vì (1820-1840), Minh Mạng đã ra 6 chỉ dụ cấm đạo, vào các năm 1825, 1826, 1833, 1836, 1838, 1839. Trong 117 Thánh tử vì đạo thì có 58 Thánh dưới thời Minh Mạng.
- 2 *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 131.
- 3 *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, sđd, tr. 149.
- 4 *Lịch sử, Quốc hội Việt Nam 1946 -1960*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.19.
- 5 *Thông tri số 01 năm 1955 của Ban bí thư Đảng lao động Việt Nam*, tài liệu lưu trữ Viện Lịch sử Đảng.
- 6 Trong bối cảnh lúc đó khái niệm tín ngưỡng bao gồm cả tôn giáo, tự do tín ngưỡng cũng được hiểu là tự do niềm tin tôn giáo.
- 7 Cụ thể chương 2, sắc lệnh có 2 điều như sau:

“Điều 8: Các tổ chức của các tôn giáo có tính chất kinh tế, văn hoá, xã hội đều được hoạt động sau khi đã xin phép chính quyền và được chính quyền chuẩn y chương trình, điều lệ.

Những tổ chức ấy đều coi như những tổ chức của tư nhân và được pháp luật bảo hộ.

Điều 9: Các tôn giáo được phép tổ chức mở trường tư thực. Các trường tư thực đó phải dạy theo chương trình giáo dục của Chính phủ. Ngoài giờ dạy theo chương trình giáo dục của Chính phủ, có thể dạy thêm giáo lý cho những học sinh nào muốn học.”

Cũng nên lưu ý, Sắc lệnh 234 này được ban hành trong thời điểm miền Bắc trong thời kỳ khôi phục kinh tế khoảng từ 1955-1957. Đây là thời kỳ chính sách kinh tế, xã hội khá “thông thoáng” chưa bước vào thời kỳ cải tạo kinh tế từ 1958-NQĐ

- 8 Được tính từ năm 1958
- 9 Thời kỳ thập niên 60-70 của thế kỷ trước nhiều cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo được giải thể, dỡ bỏ, chuyển đổi. Có thể thấy rõ trong lĩnh vực đình, chùa.
- 10 Đổi mới được hiểu là một thời kỳ, với sự đổi mới nhận thức toàn diện của Đảng cộng sản Việt Nam trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội..., từ đó dẫn đến đổi mới chính sách, luật pháp trên các lĩnh vực, nhằm đưa Việt Nam thoát ra khỏi thời kỳ khủng hoảng. Việc này được khởi đầu từ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI năm 1986. Riêng về đổi mới nhận thức về tôn giáo được lấy mốc từ Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 16/10/1990.
- 11 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.144.
- 12 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.171.
- 13 Dẫn theo Bùi Thanh Hà (2018), *Định hướng và phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước*. Bài tham luận tại Tọa đàm khoa học: “Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước hiện nay”, do Viện Hàn lâm KHXH VN và Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức ngày 2/11.
- 14 Dẫn theo Bùi Thanh Hà (2018), *Định hướng và phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước*. Bài tham luận tại Tọa đàm khoa học: “Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước hiện nay”, do Viện Hàn lâm KHXH VN và Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức ngày 2/11.
- 15 Những thông tin số liệu trong phần này được chúng tôi lấy tham khảo từ, *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 25 NQ /TW của Ban chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo* .
- 16 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Giáo hội Công giáo Việt Nam niên giám 2016*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 483-484.

- 17 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Giáo hội Công giáo Việt Nam niên giám 2016*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 483.
- 18 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Giáo hội Công giáo Việt Nam niên giám 2016*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 483-484.
- 19 Ban Tôn giáo Chính phủ (2016), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 25- NQ /TW của Ban chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo*.
- 20 Theo số liệu của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2016 cho biết: 8 chức sắc là đại biểu Quốc hội khóa XIII; 14.118 đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2015 là người có đạo; 23.835 chức sắc, tín đồ tôn giáo tham gia Ủy viên, cán bộ công chức Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp...
- 21 Có thể kể đến quần thể Chùa Yên Tử, Bái Đính, Tam Chúc v.v...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương (2003), *Nghị quyết hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo*, ban hành ngày 12/03.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ (2016), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 25- NQ /TW của Ban chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo*.
3. Bộ Chính trị (2018), *Chỉ thị 18-CT/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới*, ban hành ngày 10/01.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Ngô Quốc Đông (2019), *Vài nét về hiện trạng và đặc điểm của nguồn lực Công giáo trong lĩnh vực y tế, giáo dục và từ thiện xã hội. Tạp chí Công tác tôn giáo*, số 1+2.
6. Bùi Thanh Hà (2018), *Định hướng và phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước*. Bài tham luận tại Tọa đàm khoa học: “Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước hiện nay”, do Viện Hàn lâm KHXH VN và Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức ngày 2/11.
7. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Giáo hội Công giáo Việt Nam niên giám 2016*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. *Sắc lệnh 234 /SL ban hành ngày 14/6/1955*.
9. Chu Văn Tuấn (2021), *Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo trong Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XIII, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3.
10. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1996), *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

AWARENESS OF THE VIETNAMESE COMMUNIST PARTY ABOUT RELIGIOUS RESOURCES AND PROMOTION OF RELIGIOUS RESOURCES

Ngô Quốc Đông

Institute for Religious Studies, VASS

This article summarizes the awareness of the Communist Party of Vietnam on religious resources and the promotion of religious resources. This issue has been examined through the revolutionary periods up to present days, thereby showing the differences in promotion of religious resources of the Party and State through certain specific historical circumstances. Obviously, the perception of resources as well as the development requirements of the country of each period is different. However, religion has gradually become a positive resources in the contemporary context. Therefore, it needs to identify religious values and resources to innovate policies and to promote this special resource for the development of the country.

Keywords: Awareness; resources; promotion; religion; policy; Party; State.